

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST

Ngày 08-6-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trịnh Chí Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tới – Kiểm sát viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ Kán hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hồng H, sinh năm 1978 tại HN; nơi cư trú: Thôn ĐN, xã ĐN, huyện BD, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng K, sinh năm 1945 và bà Lương Thị T, sinh năm 1950; anh chị em ruột 04 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/4/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong; tạm giam ngày 24/11/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: Trần Thanh N, sinh năm 2000 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T, sinh năm 1974 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1975; anh chị em ruột 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/8/2020 bị Ủy ban nhân dân huyện TB ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 03/9/2022; tạm giam ngày 23/6/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N: Ông Phạm Xuân K – Luật sư của

Công ty luật TNHH LS thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Trần Thị Kim K (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Mai Văn D, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Trần Chí H, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Trần Long H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp CS, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Lê Quốc N, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Anh Phạm Trọng T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Hồng H, trú tại thôn ĐN, xã ĐN, huyện BD, tỉnh Bình Phước và Trần Thị Kim K, trú Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau.

Khoảng tháng 11/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, Hải phát hiện người tên A.H (không xác định được nhân thân) đăng thông tin tuyển dụng lao động làm tại Campuchia, H rủ K đi sang Campuchia lao động, lúc này Trần Thanh N là em chú bác ruột với K biết được nên chủ động đến gặp K xin đi cùng. H hướng dẫn cho K và N làm Hộ chiếu (Passport), sau đó H, Kiều và N sử dụng Hộ chiếu đi sang Campuchia tại cửa khẩu MB, tỉnh TN.

Đến khoảng cuối tháng 11/2021, khi đang làm tại Campuchia, N sử dụng tài khoản Facebook gọi cho Mai Văn D, Nguyễn Mạnh Q, Lê Quốc N và Trần Chí H để rủ sang Campuchia lao động, tất cả đồng ý. Trần Long H biết được N rủ D, Q, N và H đi Campuchia làm nên cũng xin đi cùng. N liên hệ với Hải để H môi giới đưa D, Q, N, H và H sang Campuchia lao động cùng với N, H đồng ý giúp, H liên hệ với người tên A.H để môi giới đưa D, Q, N, H và H trốn đi nước ngoài. Sau khi H liên hệ với A.H xong, H liên hệ lại với N đồng ý sẽ môi giới đưa tất cả những người bạn của N đi sang Campuchia làm.

Tuy nhiên, do N và H không có giấy Chứng minh nhân dân và Căn cước công dân, nên không làm được Hộ chiếu để xuất cảnh hợp pháp, nhưng D, Q, N, H và H muốn cùng đi chung, không muốn đi riêng lẻ, N liên hệ nói cho H biết việc nhóm bạn của N có người không có Chứng minh nhân dân và Căn cước công dân nhưng muốn đi

chung, không muốn đi riêng lẻ, H liên hệ với A.H được A.H cho biết nếu không làm được Hộ chiếu thì đi bằng đường bất hợp pháp (đi đường tiểu ngạch), nhưng chi phí sẽ cao hơn. H nói lại cho N biết, N nói lại cho D, Q, N, H và H biết và tất cả đều đồng ý đi bằng đường bất hợp pháp. N gửi tài khoản zalo tên “Chiến Thắng” của H cho D, Q, N và H để liên hệ với H để H môi giới cho A.H đưa D, Q, N, H và H đi sang Campuchia.

Ngày 25/11/2021, thông qua mạng Zalo, D, Q, N, H liên hệ với H, H liên hệ với A.H để A.H đưa tất cả đi sang Campuchia, H kêu tất cả lên thành phố Hồ Chí Minh; D, Q, N, H và H đi xe lên thành phố Hồ Chí Minh, H liên hệ với A.H, sau đó A.H bố trí phương tiện xe ô tô đến khách sạn nơi D, Q, N, H và H ở rước và đưa D, Q, N, H và H đến tỉnh LA và trốn đi sang địa phận Campuchia bằng đường bất hợp pháp. Khi D, Q, N, H và H đến Campuchia, H đưa đến làm tại công ty do người Trung Quốc quản lý.

Việc giới thiệu đưa người sang Campuchia làm kẻ cả bằng con đường hợp pháp hay bất hợp pháp, nhưng nếu làm đủ 01 tháng trở lên thì công ty sẽ chi trả tiền hoa hồng tuyển dụng lao động 100 USD/ người.

Do trước đó còn ở Việt Nam, H có đưa cho K mượn 200.000.000 đồng, nên H chủ động kêu Kiều chuyển vào tài khoản 1020074872 của N số tiền 15.000.000 đồng tiền N giới thiệu D, Q, N, H và H sang Campuchia lao động, khi H kêu K chuyển tiền cho N thì không nói cho K biết là tiền gì, sau đó H nói với N là tiền hoa hồng từ việc N giới thiệu D, Q, N, H và H sang lao động tại Campuchia, H đưa trước cho N, sau đó H sẽ nhận lại từ công ty.

Ngoài ra, khoảng đầu tháng 12 năm 2021, Nguyễn Chí Đ – sinh năm 1977, trú Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau là bạn của Trần Phước G – sinh năm 1992 là em ruột của K, Đ biết được K đang đi lao động tại Campuchia nên chủ động đến gặp G nhờ giúp Đ đi sang Campuchia lao động. Sau đó, G liên hệ với H, H hướng dẫn Đ và Phạm Trọng T – sinh năm 1993 cũng là bạn của G làm Hộ chiếu đi sang Campuchia bằng Hộ chiếu.

Làm được một thời gian, do áp lực công việc nên N, T, N, Q, H và H có ý định nghỉ làm để trở về Việt Nam, phía công ty do người Trung Quốc quản lý yêu cầu bồi thường chi phí bao gồm: Tiền bồi thường không làm đủ 09 tháng, tiền sinh hoạt phí, tiền vượt biên, tiền tiêm vacxin, chi phí cách ly... và yêu cầu họ nộp tiền bồi thường mới cho về Việt Nam.

Thông qua tài khoản số 070089744571 của K, gia đình của bị cáo N chuyển vào tài khoản của K số tiền 57.000.000 đồng, gia đình của chuyển vào tài khoản của K số tiền 59.000.000 đồng, gia đình của N chuyển vào tài khoản của K số tiền 43.500.000 đồng, gia đình của H chuyển vào tài khoản của K số tiền 62.000.000 đồng và gia đình của H chuyển vào tài khoản của K số tiền 54.000.000 đồng để nhờ K chuyển tiền vào tài khoản 104874739681 của người tên “NGUYEN YEN N” theo yêu cầu của công ty do người

Trung Quốc quản lý để bồi thường chi phí theo yêu cầu, để N, T, N, H và H được về Việt Nam.

Ngoài ra, K cũng chuyển vào tài khoản số 104874739681 của N số tiền 61.965.000 đồng; gia đình của D chuyển vào tài khoản của N số tiền 59.800.000 đồng; gia đình của Q chuyển vào tài khoản của N số tiền 58.200.000 đồng để bồi thường chi phí cho công ty do người Trung Quốc quản lý để K, D và Q được trở về Việt Nam.

Hiện nay, K, N, Q, N, D, H, H, Đ và T đều đã được trở về Việt Nam. Trước khi H và N môi giới đưa Q, N, D, H và H đi sang Campuchia lao động tất cả những người nêu trên đều hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do những người nêu trên không làm đủ 01 năm nên phía công ty không chi tiền hoa hồng cho H.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu “SPARK” Tecno màu xanh, số EMEI 1: 356980901469083, số EMEI 2: 356980901469091 (đã qua sử dụng).

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Phạm Hồng H, Trần Thanh N, về tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Đối với tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng nên cần tịch t

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Hồng H khai nhận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Thanh N khai nhận: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Anh Mai Văn D yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng và bị có N bồi thường 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Mạnh Q yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Lê Quốc N yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Trần Long H và anh Phạm Trọng T không đặt ra yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, giữ y cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Hồng H phạm tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Phạt bị cáo H từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Phạt bị cáo N từ 02 năm đến 03 năm tù.

Vật chứng, số tiền thu lợi bất chính của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ thiên thu lợi bất chính số tiền bị cáo N nộp 15.000.000 đồng;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu “SPARK” Tecno màu xanh, số EMEI 1: 356980901469083, số EMEI 2: 356980901469091.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa: Anh Mai Văn D yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng và bị có N bồi thường 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Mạnh Q yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Lê Quốc N yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Trần Long H và anh Phạm Trọng T không đặt ra yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, Trần Chí H yêu cầu bồi thường số tiền 54.812.000 đồng. Xét thấy các bị cáo H, N không trực tiếp nhận cũng như hưởng lợi từ số tiền nêu trên nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với các bị cáo H và N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo H, bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Cà Mau, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Kim K và anh Trần Chí H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Quá trình điều tra, chị K và anh H đã có lời khai đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Vào khoảng tháng 11/2021, các bị cáo Trần Thanh N và Phạm Hồng H đang ở tại Campuchia đã môi giới cho Mai Văn D, Nguyễn Mạnh Q, Lê Quốc N, Trần Chí H và Trần Long H đang sinh sống tại huyện TB, tỉnh Cà Mau trốn sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch lao động. Sau khi đưa được những người nêu trên sang Campuchia, H đã chuyển vào tài khoản cho N hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng. Xét lời khai tại phiên tòa của các bị cáo, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và diễn biến trước, trong và sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Phạm Hồng H, Trần Thanh N đã có hành vi môi giới để nhằm mục đích đưa tổng cộng 05 người từ Việt Nam sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch để lao động trái phép, các bị cáo biết rõ những người này không có các giấy tờ cần thiết để

sang nước ngoài cụ thể như Hộ chiếu, Giấy thông hành nhưng các bị cáo vẫn liên hệ, tổ chức, môi giới để cấu kết để đưa 05 người trên bằng đường tiểu ngạch trốn sang Campuchia mà không đi qua đường cửa khẩu theo quy định pháp luật. Từ những căn cứ đã nêu có cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 01/3/2023 mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận biết hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, là yếu tố tạo nên sự mất ổn định về an ninh trật tự tại khu vực biên giới hai nước Việt Nam – Campuchia. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo H có nhân thân không tốt, bị cáo H đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong. Đối với bị cáo N, vào ngày 28/8/2020 bị Ủy ban nhân dân huyện TB ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong ngày 03/9/2022. Hành vi của các bị cáo H, N thực hiện là rất nghiêm trọng. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo H, N ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử có xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo: Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện và điều tra tội phạm; bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng nên cần xử phạt bị cáo N dưới mức thấp nhất của khung phạt quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng cũng có tác dụng phòng ngừa và giáo dục đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Mai Văn D yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng và bị cáo N bồi thường 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Mạnh Q yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Lê Quốc N yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Trần Long H và anh Phạm Trọng T không đặt ra yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, anh Trần Chí H yêu cầu bồi thường số tiền 54.812.000 đồng. Xét số tiền này là do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất ra chi trả cho phía công ty người Trung Quốc quản lý để bồi thường do chưa làm đủ thời gian quy định. Các bị cáo H, N không được hưởng lợi gì trong số tiền này, không được chi hoa hồng nên yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với Trần Thị Kim K, quá trình điều tra chứng minh K không có liên quan đến việc N và H môi giới đưa Mai Văn D, Nguyễn Mạnh Q, Lê Quốc N, Trần Chí H và Trần Long H trốn đi nước ngoài. Việc gia đình của N, T, N, H và H chuyển tiền vào tài khoản số 070089744571 của K để nhờ K chuyển tiền vào tài khoản 104874739681 của người tên “NGUYEN YEN N” theo yêu cầu của công ty do người Trung Quốc quản lý để bồi thường chi phí để được trở về Việt Nam. Ngoài ra, bản thân K cũng chuyển vào tài khoản số 104874739681 của N số tiền 61.965.000 đồng để bồi thường chi phí để Kiều được về Việt Nam giống như N, D, Q, N, H, H. Vì vậy, K không đồng phạm với H và N trong việc môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài, Cơ quan An ninh điều tra không khởi tố, xử lý hình sự đối với K là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8.1] Đối với việc Trần Phước G giới thiệu cho Phạm Trọng T và Nguyễn Chí Đ liên hệ với Phạm Hồng H để H môi giới cho T và Đ sang Campuchia bằng con đường xuất cảnh hợp pháp (Hộ chiếu). Vì vậy, hành vi của G không cấu thành tội phạm, Cơ quan An ninh điều tra không khởi tố, xử lý hình sự đối với G là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với Nguyễn Yến N là chủ tài khoản số 104874739681 mà K và các gia đình của D, Q, N, H và H đã chuyển tiền bồi thường chi phí công ty. Quá trình điều tra xác định N đứng tên mở giữ số tài khoản nêu trên cho Võ Bích T là bạn của N để T sử dụng, không có căn cứ chứng minh N là người của công ty người Trung Quốc đặt tại Campuchia, không có căn cứ chứng minh N đồng phạm với H và N trong việc môi giới cho D, Q, N, H và H trốn đi nước ngoài. Vì vậy, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cà Mau không xử lý hình sự đối với N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8.4] Đối với Mai Văn D, Nguyễn Mạnh Q, Lê Quốc N, Trần Chí H và Trần Long H trốn đi nước ngoài, là vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu truy trách nhiệm hình sự, Bộ đội Biên phòng Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đã quyết định xử phạt hành chính đối với D, Q, N, H và H mỗi người 4.000.000 đồng nên không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Về vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu “SPARK” Tecno màu xanh, số EMEI 1: 356980901469083, số EMEI 2: 356980901469091 (đã qua sử dụng) do liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung Công quỹ nhà nước.

[10] Đối với số tiền thu lợi bất chính 15.000.000 đồng, là tiền N thu được từ việc môi giới nên cần tịch thu sung công quỹ là phù hợp.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch: Buộc các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu không được chấp nhận phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hồng H.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thanh N.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng H, Trần Thanh N phạm tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Phạt bị cáo Phạm Hồng H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 24/11/2022.

Phạt bị cáo Trần Thanh N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 23/6/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn D yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng và bị cáo N bồi thường 3.000.000 đồng; Anh Nguyễn Mạnh Q yêu cầu bị cáo H bồi thường 34.500.000 đồng; Anh Lê Quốc N yêu cầu bị cáo Hải bồi thường 34.500.000 đồng; anh Trần Chí H yêu cầu bồi thường số tiền 54.812.000 đồng.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 136, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A 15, số IMEI 1 866493056595192; số IMEI 2 866493056595184 (đã qua sử dụng). Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim di động, số thuê bao 0944.489.607, số seri sim 89840200010522647866 (đã qua sử dụng), 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyen Van V (đã qua sử dụng);

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/3/2023).

Tiền thu lợi bất chính: Tịch thu sung công quỹ số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

(Theo Biên lai thu tiền số 0000134 ngày 09/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh CM).

Án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Phạm Hồng H, Trần Thanh N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng;

Án phí dân sự trong vụ án hình sự:

Anh D phải nộp án phí số tiền 1.875.000; anh Q phải nộp án phí 1.725.000 đồng; anh N nộp án phí 1.725.000 đồng; anh H nộp án phí 2.740.600 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bảo cho những người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh CM;
- VKSND huyện TB;
- VKSND tỉnh CM;
- Công an huyện TB;
- Chi cục THA huyện TB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Lan Anh